

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/4/2023

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Vân Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Thông.

Bà Nguyễn Thị Kim Phương.

Thư ký phiên tòa: anh Nguyễn Phi Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Đình Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 498/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lô Thị Đ, sinh năm 1991.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989.

Cùng nơi cư trú: Tổ 8, ấp T, xã B, thành phố L, tỉnh ĐN.

(nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/12/2022, nguyên đơn Chị Lô Thị Đ trình bày:

Nguyên đơn và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/3/2015 theo giấy chứng nhận kết hôn số 29/2015; quyền số 01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã L (nay thành phố L), tỉnh ĐN. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, thường hay cãi vã, anh T không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, bài bạc, đánh đập vợ con. Nay nguyên đơn nhận thấy không còn tình cảm với anh Nguyễn Văn T nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Bích Th, sinh ngày 13/6/2014 và cháu Nguyễn Thị Thu Ng, sinh ngày 05/12/2017. Khi ly hôn,

nguyên đơn yêu cầu được nuôi cháu Ng, giao cháu Th cho anh T nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 14/12/2022, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Bị đơn có đăng ký kết hôn với chị Lô Thị Đ vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh ĐN. Vợ chồng có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Bích Th, sinh ngày 13/6/2014 và cháu Nguyễn Thị Thu Ng, sinh ngày 05/12/2017. Quá trình chung sống, vợ chồng thường hay cãi vã do vấn đề tiền bạc, anh T cũng thường hay nhậu nhẹt. Bản thân anh T đi làm thợ hồ và đi phụ đóng thùng ở xa lâu lâu mới về nên vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Nay, do vợ chồng đã không còn tình cảm nên anh đồng ý yêu cầu ly hôn của chị Đ.

Về con: Khi ly hôn, bị đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: vợ chồng không có nợ chung.

** Toàn bộ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và Tòa án thu thập đã được công khai theo đúng quy định pháp luật.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thủ tục tố tụng được Tòa án tiến hành đúng quy định; quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo, Tòa án thụ lý vụ án ngày 12/10/2022, ngày 20/10/2022 gửi thông báo thụ lý vụ án cho đương sự biết, đồng thời gửi thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát là trễ thời hạn theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng Dân sự. Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, có đơn xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử. Bị đơn chỉ có 01 lời khai tại tòa án, được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ kiện.

- Về việc giải quyết vụ án:

Chị Đ và anh T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn. Sau một thời gian chung sống thì hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T hay nhậu nhẹt, đánh bạc về nhà hay đánh đập vợ, không mang tiền về chăm lo gia đình. Tuy vẫn đang sống chung nhà với nhau nhưng cả hai vợ chồng đều thừa nhận không còn tình cảm với nhau, không thể hàn gắn được. Như vậy có thể thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho ly hôn.

Về con chung: Cả hai có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Ng, sinh ngày 05/12/2017 và cháu Nguyễn Thị Bích Th, sinh ngày 13/6/2014. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thu Ng, giao cháu Bích Th cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, xét thấy phù hợp nên chấp nhận. Anh

T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, xét thấy công việc và hoàn cảnh kinh tế của anh T không đảm bảo để có thể nuôi dưỡng tốt cho cả hai cháu nên chỉ chấp nhận một phần. Cháu Bích Th có nguyện vọng được ở với mẹ, tuy nhiên chị Đ hiện chưa đủ khả năng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu mà chỉ có thể nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thu Ng. Do đó, giao cháu Ng cho chị Đ trực tiếp nuôi, giao cháu Th cho anh T trực tiếp nuôi. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T, chị Đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có nên không giải quyết.

Về án phí: nguyên đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Chị Lô Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn T. Do anh T có địa chỉ cư trú hiện nay tại Tổ 8, ấp T, xã B, thành phố L, tỉnh ĐN nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lô Thị Đ và anh Nguyễn Văn T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh ĐN cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2015, được công nhận là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn nhận thấy: chị Đ và anh T thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, nguyên nhân chính là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng về kinh tế, anh T thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, bài bạc, đánh đập vợ con, ngày nào vợ chồng cũng xảy ra cãi vã, đánh đập nhau. Theo anh T, một phần do anh T hay đi làm xa nên tình cảm vợ chồng phai nhạt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện cho hai vợ chồng hòa giải nhưng anh T không có mặt theo giấy triệu tập, chị Đ có đơn không yêu cầu hoà giải nên Tòa án không thể tiến hành hoà giải hàn gắn tình cảm cho hai vợ chồng.

Như vậy, có thể xác định quan hệ hôn nhân của chị Đ và anh T đã mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Đ yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ,

phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: vợ chồng có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Thu Ng, sinh ngày 05/12/2017 và cháu Nguyễn Thị Bích Th, sinh ngày 13/6/2014. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng, giao cháu Th cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu này nhận thấy: Anh T và chị Đ đều đi làm thuê, thu nhập không ổn định nên cần giao cho anh chị mỗi người nuôi một con chung để chia sẻ khó khăn, đồng thời đảm bảo sự phát triển của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao cháu Nguyễn Thị Bích Th, sinh ngày 13/6/2014 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị Thu Ng, sinh ngày 05/12/2017 cho chị Lô Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Do không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; các điều 227, 228, 266, 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Chị Lô Thị Đ.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lô Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Bích Th, sinh ngày 13/6/2014 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị Thu Ng, sinh ngày 05/12/2017 cho chị Lô Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời chị Đ, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh T và chị Đ được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, anh T, chị Đ được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lô Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0005972 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Chị Đ đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Long Khánh;
- Chi cục THADS TP. Long Khánh;
- Ủy ban nhân dân xã, thành phố L;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Vân Khánh